

Mỏ Cày Nam, ngày 15 tháng 11 năm 2023

Số: 251/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 406/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Giữa:

Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú: **ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.**

Địa chỉ hiện nay: **ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre**

Bị đơn: Chị **Phan Thị N**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: **ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Huỳnh Văn T** và chị **Phan Thị N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có một con cháu **Huỳnh Phan Khả N1**, sinh ngày 21/9/2019 khi ly hôn giao con chung cho chị **Phan Thị N** được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Huỳnh Văn T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng (**T1** trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 12/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh **Huỳnh Văn T** có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh **Huỳnh Văn T** lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị **Phan Thị N** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **Huỳnh Văn T**.

Vì lợi ích của con chung, chị **Phan Thị N**, anh **Huỳnh Văn T** hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị **Phan Thị N**, anh **Huỳnh Văn T** có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh **Huỳnh Văn T** và chị **Phan Thị N** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Anh **Huỳnh Văn T** và chị **Phan Thị N** trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Số tiền 150.000 đồng anh **Huỳnh Văn T** tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh **T** đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001243 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, còn lại 150.000 đồng hoàn lại cho anh **T**.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Cơ quan ĐKKH;
- VKSND huyện MCN;
- Chi cục THADS H.MCN;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Yến